

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Giang;

Bà Nguyễn Thị Hoa;

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: khu 4, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: khu 1, xã Bình P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh Hải, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 4, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có đơn xin vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:* Chị và anh Đỗ Mạnh H có quá trình quen biết và tìm hiểu, sau đó quyết định kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn ngày 12/5/2005 tại UBND xã A. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng kể từ khi chị sinh được hai cô con gái liền thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vì những bất đồng trong cuộc sống, anh H thường xuyên tổ chức ăn uống ở nhà, đi hát thường xuyên về muộn, không chăm sóc con. Chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi còn mắng chị, đuổi chị đi nhiều lần. Đến năm 2012, chị mang bầu lần 3 và biết là con trai thì anh H mới quyết định làm nhà ra ở riêng. Tuy nhiên, anh H vẫn không thay đổi thậm chí còn có hành vi bạo lực đối với chị. Ngoài ra, do

sức khỏe và tuổi tác nên không đáp ứng được nhu cầu sinh lý của anh Hải, khi đó chị cũng nói để mong anh Hhiều và thông cảm nhưng chị không những không được thông cảm mà còn bị anh Hđánh, đuổi đi nhiều lần, thậm chí lấy dao ra dọa chém giết chị. Hai bên gia đình đều biết hai vợ chồng có mâu thuẫn đều đã khuyên giải nhưng anh Hkhông thay đổi. Anh Hcũng không chăm lo cho con cái, đẩy hết trách nhiệm nuôi dưỡng đóng học của con cho chị. Từ ngày 11/04/2023 chị đã không sống tại nhà riêng mà đã chuyển sang ở trọ, vợ chồng chị đã sống ly thân, ít liên lạc, chấm dứt mọi quan hệ. Nay cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm của chị với anh Hkhông còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hải. Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 10/4/2006, cháu Đỗ Thùy D, sinh ngày 20/8/2007, cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 08/5/2013. Nay chị N có nguyện vọng được nuôi cháu L và để anh Hnuôi cháu D, cháu T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- *Bị đơn là anh Đỗ Mạnh Htrình bày:* Chị Đặng Thị N và anh tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở Thái Nguyên vài tháng rồi chuyển về sống ở khu 4, xã A, huyện P. Thời gian đầu hôn nhân hòa thuận hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng anh chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống thường ngày, không có mâu thuẫn gì lớn, chưa từng xảy ra xô xát gì. Về mâu thuẫn như chị Ntrình bày có một phần đúng và có phần chưa đúng. Sau khi vợ chồng kết hôn thì chị Nliên tục mang bầu, sinh con thì anh vẫn chăm lo cuộc sống và cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường. Việc chị Nbao anh không đóng học cho con thì có một phần đúng, vợ chồng cùng nuôi con thì phải cùng gánh vác, thu nhập của chị Nđều nên anh cũng bảo vợ lo phần đóng học cho con, còn thu nhập của anh không đều, còn việc anh quản lý kinh tế là chuyện bình thường vì anh còn phải lo việc lớn.

Khoảng năm 2018, vợ chồng anh có lục đục, giận nhau khoảng 06 tháng, gia đình hai bên đều không biết gì cho đến khi vợ anh cùng 03 đứa con bắt xe đi thì gia đình mới biết vợ chồng anh mâu thuẫn, lúc đó anh nghĩ vợ anh đã đi thì anh cho đi luôn. Đến tối Ninh lại về, mẹ anh có sang khuyên nhủ và vợ chồng lại về với nhau. Khoảng đầu năm 2022, anh thấy chị Ncó nhiều biểu hiện lạ, tuy vẫn chăm lo gia đình như bình thường nhưng trong chuyện tình cảm vợ chồng thì chị Nthường xuyên trốn tránh, chê bai anh. Anh đã hỏi chị Nlý do tại sao lại xa cách tình cảm với anh thì chị Ntrả lời là do chán đàn ông, chê anh hôi và không muốn chung sống cùng anh. Về việc chị Nkhai là anh đánh chị Nthì anh khẳng định là anh không đánh chị N, anh chỉ đá chị N02 cái vì lúc đó Ninh thúc tay vào mắt anh. Từ ngày 11/4/2023 đến nay chị Nđã chuyển ra ngoài ở trọ ở xã Bình P, lý do chị Nchuyển ra sống riêng là do vợ chồng trong lúc cãi nhau thì anh có lời lẽ đuổi chị Nnhưng thực chất chỉ là lời nói khi nóng giận. Từ khi chị Nchuyển ra ngoài thì khi anh đến gặp chị Nluôn đuổi anh về nên để chị Nthoải mái thì anh cũng không đến nữa. Về cách giải quyết để hàn gắn tình cảm vợ chồng anh cũng đã hỏi chị Nnhiều lần nhưng không có kết quả, đến nay chị

Nvẫn xa cách và không muốn hàn gắn tình cảm đối với anh. Nay chị Nxin ly hôn anh xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Nếu anh có điều gì sai anh sẽ xin lỗi để vợ chồng cùng bỏ qua và về đoàn tụ cùng nuôi dạy con. Trường hợp chị Nnhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 10/4/2006; cháu Đỗ Thùy D, sinh ngày 20/8/2007; cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 08/5/2013. Nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị Ncấp dưỡng nuôi con cùng anh do anh có thu nhập 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng và có chỗ ở ổn định. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện chính quyền địa phương có quan điểm:

* Ý kiến của trưởng khu 4, xã A: Mâu thuẫn vợ chồng theo như chị N, anh Htrình bày đã rõ. Tại khu dân cư cũng chưa tham gia hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng anh chị lần nào do khi có mâu thuẫn thì anh, chị không báo cáo hay đề nghị khu dân cư tham gia hòa giải cho anh chị. Ông mong muốn anh, chị cố gắng mỗi người nhịn một chút để hòa giải được với nhau là tốt nhất. Trường hợp anh, chị không thể hòa giải được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của UBND xã A: Chị Đặng Thị N và anh Đỗ Mạnh Hđăng ký kết hôn tại UBND xã A năm 2005, sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị về chung sống tại khu 4, xã A. Anh chị có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc L, sinh ngày 10/4/2006, cháu Đỗ Thùy D, sinh ngày 20/8/2007, cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 08/5/2013. Quá trình chung sống của anh chị tại địa phương thì địa phương có nắm được việc anh, chị mâu thuẫn do chị Ncó vài lần đến hỏi thủ tục, giấy tờ để làm đơn khởi kiện vụ án ly hôn, địa phương cũng đã khuyên giải cho chị Nnhưng không có kết quả. Qua lời trình bày của anh Hải, chị Nđã xác định quá trình chung sống vợ chồng anh Hải, chị Ncó mâu thuẫn đã kéo dài, tuy nhiên anh Hải, chị Nkhông tìm được cách để hòa giải mà để cho mâu thuẫn dồn nén dẫn đến việc chị Nyêu cầu ly hôn. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nđể đảm bảo được quyền lợi của công dân.

* Ý kiến của đại diện hội phụ nữ xã A: Chị Đặng Thị N không phải hội viên hội phụ nữ nhưng cũng là phụ nữ sinh sống trên địa bàn xã A. Hội phụ nữ cũng mong muốn anh, chị hòa giải để các con chung có đủ bố, mẹ cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trường hợp vợ chồng quay về thì anh Hphải có sự thay đổi, dù có những lúc nóng tính cũng phải kiềm chế vì người phụ nữ cần được người chồng chia sẻ, thấu hiểu, cảm thông và đồng hành cùng vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn cho anh H, chị N thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật trên cơ sở đảm bảo được quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em khi cha mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm về vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Đỗ Mạnh H. Về con chung: Giao cháu L cho chị N, giao cháu T và cháu D cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị N xin chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là anh Đỗ Mạnh H có nơi cư trú tại khu 4, xã A, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ và đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án; anh H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên theo quy định của b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị N.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N thấy rằng:

Chị Đặng Thị N và anh Đỗ Mạnh H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Đạo, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 12/5/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và Anh H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống nên có xảy ra cãi vã, xô xát với nhau, mâu thuẫn thể hiện quan lời khai của chị N, anh H và ý kiến của đại diện chính quyền địa phương. Từ tháng 04/2023 đến nay chị N và anh H sống ly thân. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể giải quyết được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nên chị N xin được ly hôn với anh H. Anh H xin đoàn tụ và anh H đề nghị cả hai đều phải sửa đổi để tiếp tục chung sống và nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh H đồng ý.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù Anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh H không có bất kỳ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, vun đắp cuộc sống hôn nhân. Do đó, thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị N và Anh H đều thống nhất xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc Lan, sinh ngày 10/4/2006; cháu Đỗ Thùy Dung, sinh ngày 20/8/2007; cháu Đỗ Minh Tuấn, sinh ngày 08/5/2013.

Khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu Lan còn Anh H đề nghị được nuôi cả ba con chung. Xét ý kiến của chị N và anh H hội đồng xét xử thấy rằng cả chị N và Anh H đều có công việc, thu nhập nên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Về ý kiến của anh H đề nghị được nuôi dưỡng cả 03 con chung là không hợp lý vì chị N có đủ điều kiện nuôi con và không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng được ở cùng mẹ và chị N cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan nên cần giao cháu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Cháu Dung và cháu Tuấn đều có nguyện vọng được ở cùng với anh H; chị N và Anh H nhất trí nên cần giao cháu Dung, cháu Tuấn cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và Anh H đều tự nguyện không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N và Anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Ninh.

Cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Đỗ Mạnh Hải.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Ngọc Lan, sinh ngày 10/4/2006 cho chị Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đỗ Thùy Dung, sinh ngày 20/8/2007 và cháu Đỗ Minh Tuấn, sinh ngày 08/5/2013 cho anh Đỗ Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lan, cháu D, cháu T thành niên, lao động tự túc được.

Chị N, Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Nchiu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nđã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001819 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chị N, anh Hcó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P;
- UBND xã An Đạo, Phù Ninh, Phú Thọ;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Anh Quang